

## KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

### QUYỂN 379

#### Phẩm 67: NGHĨA PHÁP THUẦN NHẤT (2)

Đại Bồ-tát đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến tự tánh của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với địa giới không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của địa giới cho đến tự tánh của thức giới đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với nhân duyên không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của nhân duyên cho đến tự tánh của tăng thượng duyên đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với vô minh không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của vô minh cho đến tự tánh của lão tử, sầu bi khổ ưu não đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với Bồ thí ba-la-mật-đa không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến tự tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với pháp không bên trong không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của pháp không bên trong cho đến tự tánh của pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với bốn Niệm trụ không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của bốn Niệm trụ cho đến tự tánh của tám chi Thánh đạo đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với pháp môn giải thoát Không không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của pháp môn giải thoát Không cho đến tự tánh của pháp môn giải thoát Vô nguyện đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với Thánh đế khổ không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với Thánh đế tập, diệt, đạo không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của Thánh đế khổ cho đến tự tánh của

Thánh đế đạo đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với bốn Tĩnh lự không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của bốn Tĩnh lự cho đến tự tánh của bốn Định vô sắc đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với tám Giải thoát không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của tám Giải thoát cho đến tự tánh của mười Biến xứ đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa Không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa, tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với bậc Cực hỷ không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của bậc Cực hỷ cho đến tự tánh của bậc Pháp vân đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với năm loại mắt không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với sáu phép thần thông không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của năm loại mắt, tự tánh của sáu phép thần thông đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với mười lực của Phật không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh nơi mười lực của Phật cho đến tự tánh của mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với pháp không quên mất không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với tánh luôn luôn xả không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của pháp không quên mất, tự tánh của tánh luôn luôn xả đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với trí Nhất thiết không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của trí Nhất thiết cho đến tự tánh của trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với quả Dự lưu không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, quả vị Độc giác không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của quả Dự lưu cho đến tự tánh của quả vị Độc giác đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với tất cả hạnh Đại Bồ-tát không hành, không đắc, không nói, không chỉ, đối với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, tự tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ.

Đại Bồ-tát lấy sự không hành, không đắc, không nói, không chỉ như thế làm vô sở đắc, chính cái vô sở đắc ấy gọi là ly sinh.

Này Thiện Hiện, đó gọi là sinh và ly sinh của Đại Bồ-tát. Các Đại Bồ-tát chứng nhập Chánh tánh ly sinh rồi, thành tựu viên mãn tất cả tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí. Đại Bồ-tát ấy còn chẳng theo diệu lực của định mà sinh, hướng là theo nghiệp lực của phiền não như tham...! Đại Bồ-tát ấy nếu an trú trong ấy mà tạo tác các nghiệp và do sự dẫn dắt của nghiệp mà sinh bốn Tĩnh lự, lưu chuyển trong các cõi là điều không có. Đại Bồ-tát ấy tuy an trú trong các nhóm

hành như huyễn, làm các điều lợi ích như thật cho các hữu tình, nhưng chẳng đắc huyễn và các hữu tình. Đại Bồ-tát ấy khi đối với các việc vô sở đắc như thế, đem lại sự thành tựu đầy đủ cho các hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân mầu nhiệm, hóa độ vô lượng chúng sinh.

Này Thiện Hiện, như thế Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có thể mau chóng thành tựu viên mãn Tịch lự ba-la-mật-đa vô tướng, do Tịch lự ba-la-mật-đa mau viên mãn này, nên chóng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân mầu nhiệm, độ vô lượng chúng sinh; pháp luân như thế gọi là vô sở đắc, cũng gọi là Không, Vô tướng, Vô nguyện, có khả năng đem lại lợi ích hơn hết cho các hữu tình.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, an trú trong năm thủ uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như bóng sáng, như dợn nắng, như trò huyễn, như thành ảo, như sự biến hóa, thành tựu viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát ấy rõ biết như thật tất cả pháp đều như mộng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như bóng sáng, như dợn nắng, như trò huyễn, như thành ảo, như sự biến hóa rồi, có thể thành tựu viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa vô tướng.

Khi ấy, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát rõ biết như thật tất cả pháp đều như mộng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như bóng sáng, như dợn nắng, như trò huyễn, như thành ảo, như sự biến hóa?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy mộng, chẳng thấy người thấy mộng, chẳng nghe tiếng vang, chẳng thấy người nghe tiếng vang, chẳng thấy ảnh tượng, chẳng thấy người thấy ảnh tượng, chẳng thấy bóng sáng, chẳng thấy người thấy bóng sáng, chẳng thấy dợn nắng, chẳng thấy người thấy dợn nắng, chẳng thấy trò huyễn, chẳng thấy người thấy trò huyễn, chẳng thấy thành ảo, chẳng thấy người thấy thành ảo, chẳng thấy việc biến hóa, chẳng thấy người thấy việc biến hóa. Vì sao? Vì mộng và người thấy mộng, tiếng vang và người nghe tiếng vang, ảnh tượng và người thấy ảnh tượng, bóng sáng và người thấy bóng sáng, dợn nắng và người thấy dợn nắng, trò huyễn và người thấy trò huyễn, thành ảo và người thấy thành ảo, việc biến hóa và người thấy việc biến hóa đều là sự chấp trước điên đảo của phàm phu ngu si. Các bậc A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát và chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều chẳng thấy mộng cũng chẳng thấy người thấy mộng, đều chẳng nghe tiếng vang cũng chẳng thấy người nghe tiếng vang, đều chẳng thấy ảnh tượng cũng chẳng thấy người thấy ảnh tượng, đều chẳng thấy bóng sáng cũng chẳng thấy người thấy bóng sáng, đều chẳng thấy dợn nắng cũng chẳng thấy người thấy dợn nắng, đều chẳng thấy trò huyễn cũng chẳng thấy người thấy trò huyễn, đều chẳng thấy thành ảo cũng chẳng thấy người thấy thành ảo, đều chẳng thấy việc biến hóa cũng chẳng thấy người thấy việc biến hóa. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều lấy không tánh làm tự tánh, chẳng phải thành, chẳng phải thật, vô tướng, vô vi, chẳng phải thật có tánh và Niết-bàn... Nếu tất cả pháp đều lấy không tánh làm tự tánh, chẳng phải thành, chẳng phải thật, vô tướng, vô vi, chẳng phải thật có tánh và Niết-bàn... thì tại sao Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả pháp lại khởi tưởng có tánh, tưởng thành, tưởng thật, tưởng có, tưởng cho

là thật có tánh, tướng chẳng phải là tịch diệt? Nếu dấy khởi các tướng ấy thì đó là điều không hề có. Vì sao? Vì nếu tất cả pháp có một chút tự tánh, có thành, có thật, có tướng, có tạo tác, có thật tánh, chẳng phải tịch diệt mà có thể nắm bắt được thì đối tượng tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa lẽ ra chẳng phải là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Như thế, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, chẳng chấp trước sắc, chẳng chấp trước thọ, tướng, hành, thức; chẳng chấp trước nhãn xứ, chẳng chấp trước nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng chấp trước sắc xứ, chẳng chấp trước thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng chấp trước nhãn giới, chẳng chấp trước nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới; chẳng chấp trước sắc giới, chẳng chấp trước thanh, hương, vị, xúc, pháp giới; chẳng chấp trước nhãn thức giới, chẳng chấp trước nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới; chẳng chấp trước nhãn xúc, chẳng chấp trước nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; chẳng chấp trước các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng chấp trước các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng chấp trước địa giới, chẳng chấp trước thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng chấp trước nhân duyên, chẳng chấp trước đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên; chẳng chấp trước các pháp do duyên sinh ra; chẳng chấp trước vô minh, chẳng chấp trước hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng chấp trước Dục giới, chẳng chấp trước Sắc giới, Vô sắc giới; chẳng chấp trước bốn Tịch lặng, chẳng chấp trước bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng chấp trước bốn Niệm trụ, chẳng chấp trước bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; chẳng chấp trước pháp môn giải thoát Không, chẳng chấp trước pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng chấp trước Thánh đế khổ, chẳng chấp trước Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng chấp trước Bồ thí ba-la-mật-đa, chẳng chấp trước Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịch lặng, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng chấp trước pháp không bên trong, chẳng chấp trước pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; chẳng chấp trước chân như, chẳng chấp trước pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng chấp trước tám Giải thoát, chẳng chấp trước tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng chấp trước pháp môn Tam-ma-địa, chẳng chấp trước pháp môn Đà-la-ni; chẳng chấp trước bậc Cực hỷ, chẳng chấp trước bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân; chẳng chấp trước năm loại mắt, chẳng chấp trước sáu phép thần thông; chẳng chấp trước mười lực của Phật, chẳng chấp trước bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng chấp trước pháp không quên mất, chẳng chấp trước tánh luôn luôn xả; chẳng chấp trước trí Nhất thiết, chẳng chấp trước trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng chấp trước quả Dự lưu, chẳng chấp trước quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, quả vị Độc giác; chẳng chấp trước tất cả hạnh Đại Bồ-tát; chẳng chấp trước quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Đại Bồ-tát ấy khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng hề chấp trước nên có thể tu tập viên mãn Sơ địa ở đấy chẳng hề sinh tham đắm. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát ấy chẳng đắc Sơ địa thì làm sao ở trong

ấy khởi tham đắm! Do chẳng tham đắm nên có thể tu tập viên mãn từ địa Thứ hai đến địa Thứ mười, nhưng ở trong đó cũng chẳng sinh tham đắm. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát ấy chẳng đắc địa Thứ hai cho đến địa Thứ mười thì làm sao ở trong đó khởi tham đắm?

Đại Bồ-tát ấy tuy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng chẳng đắc Bát-nhã ba-la-mật-đa; do chẳng đắc Bát-nhã ba-la-mật-đa nên cũng chẳng đắc tất cả pháp; tuy quán Bát-nhã ba-la-mật-đa gồm thấu, giữ gìn tất cả pháp, nhưng đối với pháp ấy hoàn toàn không có sở đắc. Vì sao? Vì các pháp như thế cùng với Bát-nhã ba-la-mật-đa này là không hai, không khác. Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp là chẳng thể phân biệt, được nêu bày là chân như, là pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, vì diệu nghĩa của pháp là thuần nhất không sai biệt vậy.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tánh của tất cả pháp là thuần nhất không sai biệt thì tại sao có thể nói là thiện, là chẳng phải thiện, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu vi, là vô vi, gồm đủ vô lượng pháp môn như thế?

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Trong thật tánh của tất cả pháp có pháp nào có thể nói là thiện, là chẳng phải thiện, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu vi, là vô vi, như thế, cho đến là quả Dự lưu, là quả Nhất lai, là quả Bất hoàn, là quả A-la-hán, là quả vị Độc giác, là các hạnh Đại Bồ-tát, là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Bạch Thiện Thệ, không!

Phật dạy:

–Này Thiện Hiện, do nhân duyên này nên biết, tất cả pháp là thuần nhất không sai biệt, không tướng, không sinh, không diệt, không ngăn ngại, không nêu bày, không chỉ rõ. Thiện Hiện nên biết, Ta khi xưa tu hành theo con đường của Bồ-tát, đối với tự tánh của các pháp, hoàn toàn không có sở đắc, đó là hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức; hoặc nhãn xứ, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; hoặc sắc xứ, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; hoặc nhãn giới, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới; hoặc sắc giới, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp giới; hoặc nhãn thức giới, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới; hoặc nhãn xúc, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; hoặc các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra; hoặc địa giới, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới; hoặc nhân duyên, hoặc đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên; hoặc pháp do duyên sinh ra; hoặc vô minh, hoặc hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não; hoặc Dục giới, hoặc Sắc, Vô sắc giới; hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, như thế cho đến hoặc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, quả vị Độc giác, hoặc các hạnh Đại Bồ-tát, hoặc quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, đối với tự tánh của các pháp như thế đều không có sở đắc.

Này Thiện Hiện, như thế Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, từ lúc mới phát tâm cho đến khi an tọa nơi tòa Bồ-đề nhiệm mầu, sắp chứng quả vị Giác ngộ cao tột, thường nên khéo nhận biết về tự tánh của các pháp. Nếu thường khéo nhận biết tự tánh của các pháp thì có khả năng khéo tạo sự thanh tịnh cho nẻo tu tập Đại Bồ-đề, cũng có

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

khả năng làm viên mãn các hạnh Đại Bồ-tát, đem lại sự thành tựu đầy đủ cho các hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, an trú nơi pháp ấy thì mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân mầu nhiệm, dùng pháp của ba thừa với các phương tiện để điều phục các loài hữu tình, khiến mau được giải thoát khỏi ba cõi.

Này Thiện Hiện, như thế Đại Bồ-tát lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa, có khả năng mau chóng viên mãn tất cả Phật pháp.

M